TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 3 -2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Đỗ Xuân Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về xác định con cho cha theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 537/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh A; sinh năm 1985; nơi cư trú: Trung Quốc; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thanh B; sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 42 phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin xác định con cho cha, nguyên đơn là anh A trình bày: Anh A và chị Phạm Thanh B kết hôn và có đăng ký tại Cục dân chính huyện Phong Khai, Trung Quốc năm 2009 nhưng không làm thủ tục ghi chú tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Quá trình chung sống anh A và chị B có hai con chung là Phạm Tường E, sinh ngày 07-3-2007 và Phạm Tùng G, sinh ngày 08-02-2011. Tuy nhiên, chị B không đồng ý cho anh A nhận con và trong giấy khai sinh của hai con chung không có tên của người cha. Trong thời gian chung sống do phát sinh mâu

thuẫn nên năm 2016, chị B đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng không công nhận quan hệ giữa anh A và chị B là vợ chồng; nhưng chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung. Tại Bản án số 62/2016/HNGĐ-ST ngày 15-8-2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định không công nhận chị Phạm Thanh B và anh A là vợ chồng; về con chung và tài sản chung: Chị B và anh A không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Để đảm bảo quyền được làm cha đối với các con chung giữa anh A và chị B, anh A đã làm thủ tục xét nghiệm AND và kết quả xác định hai cháu Phạm Tường E và Phạm Tùng G là con đẻ của anh A. Nay anh A làm đơn yêu cầu Tòa án xác định cháu Phạm Tường E và Phạm Tùng G là con đẻ của anh A. Do anh A thường xuyên phải đi về giữa Việt Nam và Trung Quốc, không thường xuyên có mặt tại Việt Nam nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh A.

Tại bản tự khai ngày 18-12-2018 và ngày 19-12-2018, bị đơn - chị Phạm Thanh B xác nhận đã kết hôn với anh A tại Trung Quốc vào năm 2009 nhưng chưa làm thủ tục hợp thức hóa tại Việt Nam. Cháu Phạm Tường E và Phạm Tùng G là con chung của chị B và anh A được sinh ra tại Việt Nam có quốc tịch Việt Nam, nhưng do hôn nhân giữa chị B và anh A chưa được hợp thức hóa nên trong Giấy khai sinh của cháu Phạm Tường E và Phạm Tùng G không có tên của người cha. Quá trình chung sống với anh A không có hạnh phúc do anh A không chung thủy, có quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến chị B và hai con chung nên đã không làm thủ tục hợp thức hóa để xác nhận tình trạng hôn nhân tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và tình trạng xuất thân của cháu Phạm Tường E và Phạm Tùng G. Do mâu thuẫn nên năm 2016, chị B và anh A đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Nay anh A yêu cầu xác định cháu Phạm Tường E và Phạm Tùng G là con đẻ của anh A, chị B không đồng ý vì anh A luôn ý thức được đã sinh ra hai cháu nhưng chỉ khi cần cho mục đích là muốn đưa hai cháu về thăm gia đình tại Trung Quốc vào ngày Tết thì mới làm thủ tục xác nhận con. Anh A không ý thức được việc nhận con là phải xuất phát từ tình thương và trách nhiệm với con từ khi sinh ra và trong cả quá trình các con trưởng thành nên việc nhận con của anh A chỉ vì mục đích cá nhân chứ không vì quyền lợi của hai cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh A vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Chị B xác nhận hai cháu Phạm Tường E và Phạm Tùng G là con chung giữa chị B và anh A, nhưng không đồng ý với yêu cầu của anh A như đã trình bày tại các văn bản.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến*:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Có đủ tài liệu, chứng cứ xác định anh A là cha đẻ của cháu Phạm Tường E do chị Phạm Thanh B sinh ra ngày 07-3-2007 và cháu Phạm Tùng G do chị Phạm Thanh B sinh ra ngày 08-02-2011 nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh A, xác định anh A là cha đẻ của cháu Phạm Tường E, sinh ngày 08-02-2011 và cháu Phạm Tùng G, sinh ngày 08-02-2011. Về án phí: Bị đơn là chị Phạm Thanh B phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là về việc xác định con cho cha quy định tại khoản 4 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102; khoản 2 Điều 123; khoản 2 Điều 128 của Luật Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Vì lý do cá nhân không thể có mặt tại phiên tòa, anh A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị của anh A phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt anh A.

- Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3] Cả chị Phạm Thanh B và anh A đều xác định cháu Phạm Tường E, sinh ngày 07-3-2007 và Phạm Tùng G, sinh ngày 08-02-2011 là con chung của họ. Tại bản Kết quả phân tích ADN ngày 24-01-2018 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư H kết luận: Người tham gia xét nghiệm có mẫu số 8528305-30 (anh A) và người tham gia xét nghiệm có mẫu số 8528305-20 (cháu Phạm Tường E) có quan hệ huyết thống cha con. Tại bản Kết quả phân tích ADN ngày 24-01-2018 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư H kết luận: Người tham gia xét nghiệm có mẫu số 8528305-30 (anh A) và người tham gia xét nghiệm có mẫu số 8528305-21 (cháu Phạm Tùng G) có quan hệ huyết thống cha con. Như vậy, lời trình bày của chị Phạm Thanh B và anh A phù hợp với nhau và phù hợp với kết luận tại hai bản Kết quả phân tích ADN ngày 24-01-2018 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư H nên có căn cứ, cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh A đề nghị xác định cháu Phạm

Tường E, sinh ngày 07-3-2007 và Phạm Tùng G, sinh ngày 08-02-2011 là con đẻ của anh A - khoản 2 Điều 88, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thanh B phải chịu tiền án phí dâ n sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001553 ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Trả lại anh A số tiền này - khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 88, Điều 91, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102; khoản 2 Điều 123; khoản 2 Điều 128 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A: Xác định cháu Phạm Tường E, sinh ngày 07-3-2007 và cháu Phạm Tùng G, sinh ngày 08-02-2011 là con đẻ của anh A do chị Phạm Thanh B sinh ra.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh A không phải nộp tiền án phí về việc xác định cha cho con. Anh A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001553 ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Trả lại anh A số tiền này.

Chị Phạm Thanh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Phạm Thanh B có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, anh A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường C, quận D, TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Minh Phương